

Bản án số: 100/2023/DS - PT
Ngày : 24 - 8 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2023/TLPT-DS ngày 17-7-2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS – ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2023/QĐXX-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đan Thị T (Đan Thị C), sinh năm 1957; địa chỉ: Số 19A, Ngõ 35/46, phường Cát L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 03, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn 2, xã Đông S, huyện Thủy N, thành phố Hải P;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 2, xã Đông S, huyện Thủy N, thành phố Hải P (văn bản ủy quyền ngày 06-02-2023);

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 04, xã Đông S, huyện Thủy N, thành phố Hải P;

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 79, phố Bùi Thị X, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

4. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 2, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định; Nơi thường trú: Xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Ông N đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị V ngày 16-3-2023;

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Bà L có văn bản ủy quyền cho ông H ngày 16-2-2023;

6. Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 19A, Ngõ 35/46, phường Cát L, quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội. Chị H đã có văn bản ủy quyền cho bà T ngày 27-02-2023;

7. Ủy ban nhân dân xã Xuân T. Người đại diện bà Vũ Thị H, sinh năm 1987; Chức vụ - Cán bộ địa chính xã Xuân T; Nơi cư trú: Xóm 2, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Công H là bị đơn trong vụ án.

- Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28-6-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H, bà V, bà H có mặt. Bà T, bà L, anh T, bà H, bà C, Ông N, Bà L, Chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa nguyên đơn bà Đan Thị T trình bày:

Bố chồng bà tên là cụ Nguyễn Xuân S, chết năm 1987 không để lại di chúc, mẹ chồng bà là cụ Phạm Thị C, sinh năm 1931, chết năm 2021. Bố mẹ chồng bà sinh được 5 người con để không có con nuôi gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân B (sinh năm 1955 là chồng bà, ông B chết năm 2006), ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C.

Sinh thời bố mẹ chồng bà có 02 thửa đất; thửa đất thứ nhất diện tích 1 sào tương đương 360m², trên đất thửa đất có 01 nhà mái ngói tại xóm lý, xã Xuân T, thửa đất này nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho cụ Phạm Thị C là mẹ chồng bà (hiện vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L đang sử dụng và giữ sổ đỏ). Thửa đất thứ 2 bố mẹ chồng bà nhận chuyển nhượng 500m² của xã Xuân T từ trước năm 1987, trong đó có 90 m² đất ở và 410m² đất vườn thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13, tại xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, ông Nguyễn Công H đã bán ½ diện tích này cho vợ chồng Ông N, vợ chồng Ông N đã xây dựng

nhà ở kiên cố, nhưng chưa làm sổ đỏ do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, mặt khác anh em trong gia đình không ai nhất trí cho ông H bán $\frac{1}{2}$ đất này nên anh em trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn).

Ngày 13 tháng 11 năm 1984, bà kết hôn với ông Nguyễn Xuân B, sau khi kết hôn bà và ông B ở cùng với hai cụ Song một thời gian, sau đó vợ chồng bà lên Hà Nội sinh sống và ở đất của bố mẹ bà ở Hà Nội, vợ chồng bà sinh 2 người con đẻ không có con nuôi gồm: Anh Nguyễn Mạnh Hùng không có vợ con chết năm 2013; chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994; có chồng là Nguyễn Thanh Tuyền, hiện ở cùng với bà; Vợ chồng bà, sinh sống ở Hà Nội nhưng vẫn thường xuyên về quê khi có công việc giỗ các cụ.

Khi ông B còn sống năm 2004 mẹ chồng và chị em chồng đã họp gia đình về việc chia đất của bố mẹ trong thổ cụ thể là gia đình có quyết định lên giá đất (diện tích đất 500m²) là 10.000.000đ; chia cho 2 anh em mỗi người một nửa trong đó ông H phải có trách nhiệm chia cho bà H một phần nhỏ. Khi thống nhất xong ông H đã đưa cho ông B số tiền (tuy nhiên ở phần giấy biên bản họp gia đình bị tẩy xóa là do ông B chồng bà xóa đi, lý do vì chồng bà là ông B chưa được nhận số tiền 5.000.000đ của ông H để chồng bà đưa cho cụ C, theo như thỏa thuận ông B chồng bà và ông H mỗi người 5.000.000đ). Người viết biên bản là bà Phạm Thị Lan vợ của ông H, còn các con của cụ ký vào biên bản này gồm có bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Công H, Nguyễn Xuân B, không có chữ ký của cụ Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C. Trên cơ sở của biên bản này anh em chưa phân chia được đất.

Sau khi chồng bà chết, ngày 08-05-2009 mẹ chồng bà và anh chị em có họp bàn thống nhất thừa đất ở sông Láng thuộc xóm Lý, xã Xuân T chia đều cho bà và ông H mỗi người một nửa đất, ông B và ông H có trách nhiệm đóng góp một phần kinh phí cho cụ C mỗi người là 5.000.000đ. Trong biên bản họp gia đình có 2 nội dung; trong đó nội dung thứ 2 là hiện thổ đất mang tên ông H, thuộc xóm Lý, xã Xuân T. Thống nhất thành 2 thổ cụ thể bà Đan Thị T, ông Nguyễn Công H, hai gia đình trên có trách nhiệm đóng góp 1 phần kinh phí để giao lại cho bà mẹ quản lý và sử dụng (quyền ở Bà), cụ thể mỗi người 5.000.000đ. Khi họp gia đình có sự chứng kiến của cơ sở gồm ông Đình Văn Thái là xóm trưởng (ông Thái đã chết), ông Nguyễn Văn Chiến là xóm phó. Ông Đình Văn Thái là người lập biên bản, sau khi biên bản lập xong và đã được thông qua cho các thành viên có mặt tại cuộc họp, không ai có ý kiến thống nhất ký tên vào biên bản gồm có: Cụ C, ông Nguyễn Công H, bà Đàm Thị Trung, ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn D (ông D là con của ông An, ông An là anh trai của ông Song đại diện cho bên nội), ông Đình Văn Thái, ông Nguyễn Văn Chiến đều ký vào. Hôm họp ngày 08-05-2009 không có mặt các bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H. Bà cung cấp cho Tòa án hai biên bản họp gia đình đều vào ngày 08-05-2009 là bản phô tô, nhưng trong đó có 1 bản phô tô có chữ viết sổng ký có tên con gái Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H); Bản chính của biên bản này ông H là người quản lý, ông H

phô tô đưa cho mỗi người một bản, do vậy mà có bản phô tô có chữ ký của bà L, bà C, bà H, có bản thì không). Thực tế bà L, bà C, bà H là ở xa không về quê để họp nhưng đều biết và khi đưa văn bản họp gia đình các bà này đều nhất trí. Đối với số tiền 5.000.000đ bà cũng chưa đưa cho cụ C do cụ C đã chết, ông H cũng thế.

Nay chồng bà và cụ C đã chết, bản thân bà đã già yếu thuộc diện trợ cấp hoàn cảnh khó khăn, con trai đã mất vì chất độc da cam, bà muốn có thửa đất đủ để làm căn nhà nhỏ để làm nơi sinh sống và đi về sau này, tuy nhiên ông H cố tình không thực hiện theo như văn bản mà gia đình đã họp bàn thống nhất đã có chữ ký của ông H trong biên bản.

Khi làm đơn khởi kiện bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng bà để lại như nội dung biên bản họp gia đình đã cắt phân chia cho bà theo biên bản ngày 08-5-2009 để bà làm thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Nay ông Nguyễn Công H cũng có đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ C ở thửa đất số 102, tờ bản đồ số 10 diện tích đất 355m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phạm Thị C bà hoàn toàn nhất trí, đối với phần tài sản là nhà và các công trình xây dựng trên thửa đất này không còn là của cụ C nữa nên bà không yêu cầu chia.

Bà đã được Tòa án giải thích về văn bản họp gia đình ngày 08-05-2009 mà không tuân theo các quy định của pháp luật cũng như một trong số các người con của cụ Song, cụ C không thừa nhận thì văn bản đó không có giá trị về mặt pháp luật. Vì vậy, quan điểm của bà là văn bản đó không có giá trị về mặt pháp lý bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Song, cụ C theo quy định của pháp luật. Bà tìm hiểu được biết cụ Nguyễn Xuân S mất năm 1987 đối chiếu với quy định của pháp luật thì cụ Song đã chết trên 30 năm nên thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Song không còn, do vậy phần di sản của cụ Song ai đang quản lý sử dụng thì thuộc về người đó, ông H đang là người quản lý sử dụng. Cụ C mất năm 2021 thì vẫn còn thời hiệu giải quyết. Như vậy hai thửa đất của cụ Song và cụ C thửa đất số 102, tờ bản đồ số 10 diện tích đất 355m² (đã được UBND huyện Xuân T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14-10-2003 mang tên Phạm Thị C) thì diện tích 177,5m² là của cụ Song, còn 177,5m² là thuộc cụ C, ở thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13 diện tích đất là 500m², thì cụ Song là 250m², của Chắt là 250m², căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế đúng với diện tích nói trên. Tổng diện tích đất của cụ C là 427,5m² là phần di sản của cụ C sẽ chia đều cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông H, bà C, bà H, bà L có ý kiến là cắt 100m² đất để làm từ đường, quan điểm của bà là không nhất trí, kỷ phần của ai được chia là nhận quyền sử dụng đất thì người đó để lại cho ai và làm từ đường như thế nào là quyền của người đó bà không can thiệp, còn kỷ phần của bà được hưởng xin nhận là quyền sử dụng đất.

Đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 500m², trong đó có 90m² đất ở, 410m² đất trồng cây lâu năm mang tên Nguyễn Công H, bởi thời điểm đó

ông H là người đang quản lý sử dụng thửa đất đó, do vậy trên trích lục bản đồ có tên ông H nhưng thực tế thửa đất này là của cụ Song, cụ C, tất cả các người con của hai cụ đều thừa nhận về nguồn gốc thửa đất này. Nhưng trên thửa đất này ông H đã bán một phần diện tích đất cho vợ chồng ông Ngô Văn N thì ông H phải chịu trách nhiệm với các hàng thừa kế, nếu phần đất đó mà Tòa án giao cho ông H và kỷ phần đất đó là đủ diện tích ông H được sử dụng với phần đất bán cho vợ chồng Ông N thì ông H có trách nhiệm với vợ chồng Ông N, bà không có ý kiến gì.

* Theo biên bản lời khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Công H trình bày: Bà Đan Thị T trình bày về quan hệ anh em trong gia đình cũng như nguồn gốc thửa đất là đúng. Sinh thời bố mẹ ông có một thửa đất của các cụ để lại cho diện tích khoảng 1 sào, trên thửa đất có 01 căn nhà 3 gian mái rạ tại xóm Lý, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Sau khi ông lấy vợ, vợ chồng ông ở cùng với bố mẹ ông, khoảng năm 2012 ông phá toàn bộ móng và căn nhà cũ của bố mẹ ông do căn nhà xuống cấp, ông xây dựng mới nhà 3 gian mái bằng và các công trình phụ kèm trên thửa đất này, thời điểm đó mẹ ông ở với vợ chồng ông cho đến khi chết, tiền làm nhà và xây dựng công trình phụ đều do vợ chồng ông bỏ ra, con cái không ai đóng góp. Thửa đất vợ chồng ông đang quản lý sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ ông là cụ Phạm Thị C.

Thửa đất thứ hai nằm vị trí sông Láng, xã Xuân T là thuộc xã cấp cho cụ Nguyễn Xuân S, cụ Phạm Thị C, diện tích khoảng 500m² thửa đất nổi, đất này chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bố mẹ ông. Cách đây khoảng 8 năm vợ chồng ông xây dựng căn nhà 3 gian để vợ chồng ở trên thửa đất này, sau một thời gian vợ chồng chuyển vào thổ trong để ở cùng cụ C và tiện chăm sóc cho cụ C, vợ chồng ông đã chuyển nhượng ½ thửa đất và căn nhà cho vợ chồng ông Ngô Văn N, hai bên thỏa thuận giấy viết tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật, vì đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông bán cho vợ chồng Ông N số tiền là 45.000.000đ, (Ông N là quan hệ anh em họ hàng). Thực tế thửa đất vợ chồng ông để cho vợ chồng Nhiên, ngày 26-10-2004 mẹ ông và anh em trong gia đình có họp bàn thống nhất chia đất cho ông Nguyễn Xuân B và ông Nguyễn Công H, hôm họp gồm có mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Chắt, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân B, ông Nguyễn Công H, còn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C không có mặt tại cuộc họp. Nội dung cuộc họp bà Nguyễn Thị L là người chủ trì, bà L nêu nội dung nên giá thửa đất của bố mẹ ở sông Láng là 10.000.000đ chia cho ông H, ông B mỗi người ½ thửa đất, trong đó ông H phải có trách nhiệm chia cho bà H một phần.

Sau khi thống nhất ông đã đưa cho ông B số tiền là 5.000.000đ để ông lấy phần đất của ông B như thỏa thuận trong biên bản. Sau khi thống nhất như trên bà L, ông và ông B đã ký, Bà L vợ ông là người lập biên bản và ghi Nguyễn Thị L, riêng mẹ ông không ký vào biên bản này. Bản gốc là ông B cầm và không biết ai tẩy xóa. Số tiền ông B cầm sử dụng vào việc gì ông không biết.

Ngày 08-5-2009 gia đình lại họp để thống nhất chia lại thửa đất này với lý do bà Đan Thị T về đòi lại $\frac{1}{2}$ đất mà trước đây anh em trong gia đình đã thống nhất mà ông đã đưa tiền cho ông B để ông được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất ở sông Láng. Tại cuộc họp anh em bàn bạc chấp nhận chia thửa đất là 3, cụ thể cho cụ C và bà H một ít, còn của ông và ông B mỗi người chia đôi sau khi đã trừ cho cụ C và bà H. Trong biên bản thể hiện đất ở sông Láng chia thành 2 thổ cụ thể là bà Đan Thị T, ông Nguyễn Công H, hai gia đình trên có trách nhiệm góp 1 phần kinh phí để giao lại cho mẹ quản lý và sử dụng; cụ thể mỗi người 5.000.000đ; hôm họp có ông, mẹ ông là cụ C, ông Nguyễn Văn D đại diện cho họ, về phía cơ sở xóm có ông Đinh Văn Thái, ông Nguyễn Văn Chiến. Sau khi biên bản thống nhất nội dung các thành phần có tên trên đã ký vào biên bản, hôm họp không có mặt bà L, bà C, bà H.

Sau khi có biên bản anh em ông thông báo cho bà L, bà C, bà H, khi các bà này biết và có ý kiến là không nhất trí với biên bản phân chia đất này. Trên cơ sở của biên bản phân chia ông chưa đưa tiền cho mẹ, còn bà T đã đưa tiền cho mẹ ông chưa thì ông không nắm được.

Quan điểm của ông là văn bản của cụ C cho đất ông và ông B không phù hợp với quy định của pháp luật thì ông đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật đối với thửa đất ở Sông Láng, còn thửa đất ở bên trong bà T không khởi kiện chia di sản thừa kế. Để tránh sau này con cháu lại xảy ra tranh chấp tiếp ông đề nghị Tòa án chia nửa phần đất này để đảm bảo quyền lợi cho các hàng thừa kế. Mặt khác ông muốn các đồng thừa kế trích một phần đất diện tích khoảng 100m², để làm nơi thờ tự các cụ. Kỷ phần của ông được nhận là quyền sử dụng đất. Nhà cửa của bố mẹ ông không còn nên không yêu cầu, còn căn nhà và công trình phụ hiện tại trên đất của bố mẹ là của vợ chồng ông xây dựng và là người bỏ tiền ra.

Bố ông là cụ Nguyễn Xuân S chết năm 1987 nên thời hiệu khởi kiện phần di sản của bố ông không còn, ông là người đang quản lý thì ông tiếp tục được sử dụng, ông đề nghị Tòa án chia phần di sản của cụ Phạm Thị C diện tích đất 177,5m² cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất mà vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ngô Văn N. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng Ông N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C đều trình bày: Về quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình như bà Đan Thị T, ông Nguyễn Công H trình bày cũng như nguồn gốc thửa đất của bố mẹ là đúng; các bà không nhất trí với việc phân chia di sản thừa kế của bố theo như biên bản họp gia đình ngày 08-5-2009 mà bà T trình bày, các bà không được họp nhưng các bà có ký vào biên bản là do ông H phô tô và đưa cho các bà ký. Các bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để chia di sản thừa kế của bố mẹ thửa đất sông Láng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 500m², trong đó đất ở 90m²

đất trồng cây lâu năm 410m². Ngoài ra ông Nguyễn Công H cũng có đơn đề nghị Tòa án xem xét chia cả phần đất ở thổ trong xóm Lý của bố mẹ các bà thừa đất số 102, tờ bản đồ số 10 diện tích đất 355m², trong đó đất ở 250m², đất vườn 105m² hiện nay ông H đang quản lý sử dụng và đã xây nhà theo quy định của pháp luật các bà hoàn toàn nhất trí đề nghị Tòa án chia. Ông H có ý kiến là cắt 100m² đất của bố mẹ để làm nơi thờ cúng, còn lại mới đem chia cho các hàng thừa kế các bà hoàn toàn nhất trí. Kỷ phần các bà được nhận là quyền sử dụng đất. Ngoài đất ra không đề nghị xem xét gì nữa.

* Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung T trình bày; Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của các ông bà trên. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để chia di sản thừa kế của hai cụ Song là thừa đất số 4, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 500m², trong đó đất ở 90m² đất trồng cây lâu năm 410m². Nay ông Nguyễn Công H có đơn đề nghị Tòa án xem xét chia cả phần đất ở thổ trong xóm Lý của cụ C thừa đất 102, tờ bản đồ số 10 diện tích đất 355m², trong đó đất ở 250m², đất vườn 105m² mà hiện nay ông H đang quản lý sử dụng và đã xây nhà theo quy định của pháp luật anh hoàn toàn nhất trí đề nghị Tòa án chia. Ông H có ý kiến là cắt 100m² đất của bố mẹ để làm nơi thờ cúng, còn lại mới đem chia cho các hàng thừa kế anh hoàn toàn nhất trí. Quan điểm của bà L mẹ anh là xin nhận quyền sử dụng đất. Ngoài đất ra không đề nghị xem xét gì nữa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Năm 2008 vợ chồng bà có nhu cầu làm nhà ở nhưng không có đất, vợ chồng bà đi hỏi mua thì ông Nguyễn Công H cần tiền ăn học cho con nên muốn chuyển nhượng 1 phần đất ở xóm 3 xã Xuân T cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà đã nhất trí mua diện tích đất 240m²; một chiều là 8m, một chiều là 30m; với giá là 45.000.000đ, phần đất này có căn nhà 3 gian mái ngói và 01 chuồng lợn cụ thể được thể hiện ở biên bản họp gia đình ngày 17-11-2008; phần tiền được trả làm 2 lần, lần một là biên bản chuyển nhượng đất giao 25.000.000đ vào ngày 09-11-2008, số tiền còn lại 20.000.000đ sẽ được trả vào năm 2009 là biên bản chuyển nhượng đất ngày 14-5-2009. Vợ chồng bà đã trả đầy đủ tiền cho vợ chồng ông H. Khi mua 1 phần thừa đất này vợ chồng ông H nói là đất của vợ chồng ông H, vợ chồng ông H không ở đất này nữa mà chuyển vào thổ đất cũng ở xóm 3 mà lúc đó cụ Phạm Thị C đang ở. Khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng phần đất này ông H nói là đất chưa có sổ đỏ, biết là đất chưa có sổ đỏ nhưng vì nhu cầu cần có đất làm nhà nên vợ chồng vẫn mua. Biên bản họp gia đình ngày 17-11-2008 là do bà Nguyễn Thị L vợ chồng Hữu cầm đến đưa cho vợ chồng bà trong đó có chữ viết Chết, bà Nguyễn Thị L, bà không biết có phải là chữ ký của cụ C, bà Nguyễn Thị L hay không thì bà không giám khẳng định. Gia đình anh em, mẹ con cụ C có thực sự họp gia đình hay không thì bà không được biết. Sau khi mua thừa đất vợ chồng bà đã dục ông Nguyễn Công H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà như biên bản chuyển nhượng quyền sử dụng theo quy định của pháp luật thì ông H cứ khất lần, sau đó vợ chồng bà có đi hỏi mọi người thì được biết là không thể làm

được sổ đỏ vì ông H chưa được cấp sổ đỏ thì không thể làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được.

Do căn nhà của vợ chồng ông H để lại đã xuống cấp, cuối năm 2011 vợ chồng bà đã phá hết đi và xây dựng 01 nhà mái bằng 1 tầng diện tích khoảng 77m² và các công trình phụ, mái tôn, tường bao loan, xây hết tổng thể 300 triệu đồng. Khi vợ chồng ông H chuyển nhượng 1 phần đất cho vợ chồng bà thời điểm đó anh em trong gia đình nhà ông H không ai có ý kiến gì. Gần đây mới xảy ra tranh chấp.

Nay vợ chồng bà đã mua đất của ông H nhưng nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ Song, cụ C nhưng để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà kỷ phần mà ông H được nhận mà phần đất đó được giao ở phần đất mà vợ chồng ông H đã bán cho vợ chồng bà thì vợ chồng ông H phải có trách nhiệm làm các thủ tục để vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của ông H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Xuân T có ý kiến: Đối với đất của cụ Nguyễn Xuân S và cụ Phạm Thị C; Theo quy định hạn mức đất thổ cư ở vùng nông thôn không quá 300m², như vậy đối chiếu với bản đồ lập năm 1987 thì đất của cụ Song là 360m² đất ở thì vượt quá 60m², còn bản đồ lập năm 2002 thì đất của cụ Song chỉ có 90m². Để tránh thiệt thòi cho các đương sự khi chuyển mục đích sử dụng thì địa phương đề nghị công nhận đất của cụ Song là 300m² theo hạn mức.

Đối với diện tích đất tăng lên 140m² ở bản đồ năm 2002 so với bản đồ năm 1987. Diện tích tăng là do sai số khi đo đạc và lập bản đồ, xung quanh thửa đất này đã xây dựng tường bao, các hộ lân cận và giáp đường đông không có tranh chấp. Vì vậy đất của hai cụ Song không phải xử lý theo Hướng dẫn 42 và 1456 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định.

* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 10 mang tên cụ Phạm Thị C mà hiện nay vợ chồng ông Phạm Công H, bà Nguyễn Thị L đang sử dụng; Trên thửa đất này có các công trình xây dựng có giá trị là tài sản của vợ chồng ông H. Giá đất ở 2.200.000đ/m², giá đất vườn, ao 1.000.000đ/m².

Đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13 mang tên Nguyễn Công H; trên thửa đất này một nửa thửa đất thể hiện có một nhà mái bằng và các công trình phụ trợ mà vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Nguyễn Thị V đang sử dụng ở phía tây thửa đất, còn lại 1 phần phía đông thửa đất ông H đang quản lý không trồng cây gì. Giá đất ở 2.700.000đ/m², đất vườn giá 1.200.000đ/m².

* Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND xã Xuân T: Về quan hệ gia đình: Cụ Nguyễn Xuân S, chết năm 1987, khi cụ Song chết không để lại di chúc; cụ Phạm Thị C, sinh năm 1931, chết năm 2021. Cụ Nguyễn Xuân S và cụ Phạm

Thị C sinh được 5 người con đẻ không có con nuôi gồm: Bà Nguyễn Thị L; Ông Nguyễn Xuân B (ông B đã chết); ông Nguyễn Công H; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị C.

Về mâu thuẫn anh em trong gia đình: Giữa bà Đan Thị C là vợ ông Nguyễn Xuân B có mâu thuẫn với ông Nguyễn Công H về phân chia đất của bố mẹ khi cụ C qua đời. Do bà T và ông H không thống nhất được văn bản mà cụ C để cho ông Nguyễn Công H và ông Nguyễn Xuân B.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Thừa đất mà bà Phạm Thị Trung khởi kiện chia di sản thừa kế cũng như ông Nguyễn Công H đề nghị chia có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Xuân S và cụ Phạm Thị C tại xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sinh thời cụ Song và cụ C có hai thửa đất được thể hiện như sau:

Thửa đất số 1 Bản đồ địa chính lập năm 1987 thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01 diện tích đất là 372m², trong đó thổ cứ 360m² mang tên Song, đất Hợp tác xã 12m² (cùng thửa đất). Bản đồ địa chính lập năm 2002, thửa đất số 04, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 500m², trong đó đất ở 90m², đất vườn 410m² mang tên Hữu. Kết quả đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 thể hiện tích đất là 500m²; trong đó đã trừ ra 12 m² đất hàng lang. Sổ mục kê lập năm 1986 thể hiện Nguyễn Song và HTX trong đó Song là 360m² đất ở, Hợp tác xã 12 m² thổ canh. Sổ mục kê đất lập năm 2002 thể hiện Nguyễn Công H diện tích đất 500m², trong đó đất ở 90m², đất vườn 410m². Bản đồ lập năm 1987 trong đó thể hiện đất thổ cứ 360 m², thổ canh 12m², còn bản đồ lập năm 2002 thì diện tích là 500m² trong đó có 90m² đất ở, 410 m² đất vườn. So sánh bản đồ lập năm 1987 với bản đồ lập năm 2002 thì diện tích ở bản đồ năm 2002 tăng lên 152 m². Như vậy trừ 12m² là đất của Hợp tác xã ra thì diện tích còn lại tăng 140 m² lý do tăng do quá trình lập bản đồ cũng như sai số khi đo đạc.

Mặt khác bản đồ lập năm 1987 diện tích đất ở 360m², còn bản đồ lập năm 2002 thể hiện diện tích đất ở 90m², còn đất vườn 401m², lý do đất ở giảm đi 270m² là do thời điểm năm 2002 đo đạc thực tế công trình trên đất vì vậy mà đất ở thể hiện là 90m², còn lại đất vườn 410m². Đối với thửa đất này xung quanh tứ cận đã xây tường bao việc tăng 140m² ở bản đồ lập năm 2002 với bản đồ lập năm 1987 địa phương có ý kiến là kiểm tra lại sau đó có ý kiến với Tòa án để xử lý khi phân chia. Khi Tòa án phân chia di sản thừa kế của hai cụ Song thì tách 12m² (Hợp tác xã) ra để làm hành lang đường, còn diện tích đất của hai cụ Song là 360m² cộng với phần diện tích tăng thêm là 140m². Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản đồ lập năm 1987 mang tên Song đến bản đồ lập năm 2002 mang tên Hữu. Khi ông H là người đang sử dụng thửa đất này tại thời điểm đó nên trên bản đồ thể hiện tên người sử dụng.

Hiện tại thửa đất này một nửa thửa đất là vợ chồng ông Ngô Văn N và bà Nguyễn Thị V đang sử dụng và xây dựng các công trình kiên cố, còn một nửa vợ chồng ông H quản lý sử dụng; địa phương nắm được là vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng cho vợ chồng Ông N, bà V, nhưng

chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật, bởi lẽ thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 2 Bản đồ lập năm 1987 thửa đất số 265 tờ bản đồ số 01 mang tên Song diện tích là 344m². Sổ mục kê lập năm 1986 mang tên Nguyễn Song thể hiện diện tích là 344m² thổ cư. Bản đồ lập năm 2002 thửa đất số 102 tờ bản đồ số 10 mang tên Chắt diện tích 355m² trong đó 250m² đất ở, đất vườn là 105 m². Kết quả đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 diện tích là 355m². So sánh diện tích bản đồ lập năm 1987 với bản đồ lập năm 2002 và kết quả đo đạc thực tế thì diện tích tăng lên 11m². Lý do tăng sai số khi đo đạc. Thửa đất này đã được UBND huyện Xuân T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị C diện tích 355m² ngày 14-10-2003. Thửa đất này hiện vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L là người đang quản lý sử dụng và trên thửa đất này có các công trình xây dựng.

Về việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước: Khi cụ C còn sống là người thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, sau khi cụ C qua đời thì vợ chồng ông Nguyễn Công H là người thực hiện nghĩa vụ với nhà nước cả hai thửa đất.

* Quan điểm của địa phương: Nay bà Đan Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế đối với bị đơn là ông Nguyễn Công H, đồng thời ông Nguyễn Công H cũng có yêu cầu đề nghị chia di sản của hai cụ Song, địa phương đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để anh em trong gia đình đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nếu không thống nhất được thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Bản án sơ thẩm số 17/2023/DS – ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T đã quyết định: Căn cứ vào: Điều 468; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp yêu cầu khởi kiện của bà Đan Thị T cũng như đơn yêu cầu của ông Nguyễn Công H về việc chia di sản thừa kế.

Chia cho bà Đan Thị T và chị Nguyễn Thị Thanh Huyền được quyền sử dụng diện tích đất 62,5m² trị giá 118.825.000đ (trong đó đất ở 37,5m², đất vườn 24,5m²) tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 13 năm 2002 và được nhận thanh toán giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L số tiền là 49.475.000đ; (tổng giá trị 168.300.000đ).

Giao và chia cho vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 355m² (trong đó đất ở 250m², đất vườn 105m²; 177,5m² là phần di sản hết thời hiệu; 177,5m² trị giá 364.000.000đ, trong đó có 85,5m² đất là được hưởng theo kỷ phần; 92 m² là của các thừa kế khác mà ông H

được hưởng) và cùng toàn bộ các công trình xây dựng nằm trên diện tích đất trên tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 10 năm 2002.

Giao cho ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 250m² trị giá 477.500.000đ (trong đó đất ở 150m², đất vườn 100m²) tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13 năm 2002.

Buộc ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đan Thị T và chị Nguyễn Thanh H số tiền là 49.475.000đ; cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 49.470.000đ; cho bà Nguyễn Thị H số tiền 48.375.000đ; cho bà Nguyễn Thị C số tiền 48.375.000đ.

Chia cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 62,5m² trị giá 118.825.000đ (trong đó đất ở 37,5m², đất vườn 24,5m²) tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 13 lập năm 2002 và được nhận thanh toán giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L số tiền là 49.475.000đ; (tổng giá trị 168.300.000đ).

Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 63m² trị giá 119.925.000đ (trong đó đất ở 37,5m²; đất vườn 25,5m²), tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10 năm 2002. Bà Nguyễn Thị H được nhận giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị L số tiền 48.375.000đ; tổng giá trị 168.300.000đ).

Chia cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 63m² trị giá 119.925.000đ (trong đó đất ở 37,5m²; đất vườn 25,5m²), tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10 năm 2002. Bà Nguyễn Thị C được nhận giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị L số tiền 48.375.000đ; tổng giá trị 168.300.000đ).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm giao lại đất cho bà Đan Thị T và chị Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C phần diện tích đất nói trên.

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 16-6-2023 của ông Nguyễn Công H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T với lý do ông H không nhất trí trả số tiền cho bà T là 49.475.000đ khi ông H được nhận 23m² đất của bà T được chia. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xem xét giúp đỡ ông H được toại nguyện.

* Ngày 28-6-2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T ra quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm với nội dung:

Ủy ban nhân dân xã Xuân T khẳng định (thửa 1) thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3 diện tích tăng thêm 140m^2 so với diện tích hai cụ Song nhận chuyển nhượng của hợp tác xã vào năm 1987 là do sai số do đo đạc và đất ở (áp dụng theo hạn mức 300m^2 , chứ không theo bản đồ nào) là không đúng thẩm quyền. Vì thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cần đưa UBND huyện Xuân T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải thích khẳng định đối với diện tích đất tăng thêm và mục đích sử dụng đất.

Toà án nhận định di sản thừa kế của cụ Song để lại đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế, chỉ chia di sản của cụ C bằng $\frac{1}{2}$ tổng diện tích đất hai cụ để lại và khẳng định chỉ có ông H là người duy nhất quản lý trông coi di sản của cụ Song là hoàn toàn không có cơ sở.

Tại thửa đất số 7 (04), tờ bản đồ số 1 (13) năm 1987, hai cụ Song, Chắt nhận chuyển nhượng của UBND xã diện tích 360m^2 , đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 diện tích 500m^2 hiện nay thửa đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vậy, diện tích đất thừa 140m^2 này thuộc quyền quản lý của Nhà nước hay của hai cụ Song, đất ở là bao nhiêu m^2 cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền khẳng định. Nếu diện tích đất 140m^2 thuộc quyền quản lý của Nhà nước thì di sản của hai cụ Song để lại chỉ là $855\text{m}^2 - 140\text{m}^2 = 715\text{m}^2$.

Bản án không áp dụng luật đất đai để giải quyết tranh chấp.

Toà án nhân dân huyện Xuân T đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đánh giá sai người đồng quản lý di sản, chưa đủ căn cứ xác định tổng di sản của hai cụ để lại là 855m^2 đất dẫn đến việc xét xử và tuyên án là chưa đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Ngày 29 tháng 6 năm 2023 ông Nguyễn Công H có đơn xin rút đơn kháng cáo với lý do trong thời gian qua sau khi kháng cáo, anh em trong gia đình và các cháu đã động viên khuyên vợ chồng ông và bản thân ông và bà T cũng tìm được tiếng nói chung. Để giữ tình cảm anh em trong gia đình ông làm đơn xin được rút toàn bộ đơn kháng cáo đề cấp phúc thẩm không phải xét xử nữa, để bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân T có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28-6-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T. Ông Nguyễn Công H giữ

nguyên ý kiến tại Toà án cấp sơ thẩm, ông H đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho UBND xã Xuân T bà Vũ Thị H trình bày: Tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13. Bản đồ địa chính lập năm 1987 thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01 diện tích đất là 372m², trong đó thổ cư 360m² mang tên Song, đất Hợp tác xã 12m² (cùng thửa đất). Bản đồ địa chính lập năm 2002, thửa đất số 04, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 500m², trong đó đất ở 90m², đất vườn 410m² mang tên Hữu. Kết quả đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 thể hiện tích đất là 500m². So sánh diện tích bản đồ lập năm 1987 với bản đồ lập năm 2002 và kết quả đo đạc thực tế thì diện tích tăng lên 140m², lý do tăng sai số khi đo đạc. Căn cứ vào khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 có quy định Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tức là 500m². Người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch nhiều hơn nếu có. Thực tế thửa đất này xung quanh tứ cận đã xây tường bao, các hộ liền kề đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có đất công của UBND xã, mốc giới không thay đổi, đường đi rất rõ ràng nên không có yếu tố lấn chiếm đất nên công nhận theo số liệu đo đạc thực tế. Theo quy định hạn mức đất thổ cư ở vùng nông thôn không quá 300m², Tại UBND xã Xuân T không có sổ đăng ký ruộng đất, không có sổ địa chính chỉ có hai loại bản đồ lập năm 1987 và năm 2002. Căn cứ vào khoản 5 Điều 103 luật đất đai năm 2013 có quy định “Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức quy định tại khoản 4 Điều này”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 126/2018 ngày 02-11-2018 của UBND tỉnh Nam Định về quản lý Nhà nước thì thấy trong vụ án này không có yếu tố lấn chiếm đất công, diện tích đất đang tranh chấp được sử dụng ổn định từ khi giao đất cho đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung, ngày 16-6-2023 của ông Nguyễn Công H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Xuân T, lý do không nhất trí trả cho bà T số tiền 49.475.000đ. Ngày 29 tháng 6 năm 2023 ông Nguyễn Công H gửi đơn xin rút đơn kháng cáo lý do anh chị em đã

tìm được tiếng nói chung và giữ gìn tình cảm chị em. Tại phiên toà không xem xét. Nội dung Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T đối với bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Xuân T nhận thấy: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13 lập năm 2002 diện tích đất 500m², trong đó đất ở 90m², đất vườn 410m²; Bản đồ lập năm 1987 thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01 diện tích đất là 372m², trong đó thổ cư 360m², đất Hợp tác xã 12m² có nguồn gốc hai cụ Song và Chắt nhận chuyển nhượng của UBND xã 360m². Kết quả đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 diện tích 500m², hiện nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối chiếu diện tích đất tăng so sánh bản đồ lập năm 1987 và bản đồ năm 2002 tăng 152 m². Như vậy, trừ đi 12m² là đất Hợp tác xã thì diện tích còn lại tăng 140 m². Toà án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế cả phần diện tích dôi dư 140 m² so với bản đồ lập năm 1987 là thửa số 7, tờ bản đồ số 1, diện tích là 372m² (thổ cư 360m², đất hợp tác xã là 12m²) và đem chia thừa kế. Theo hướng dẫn số 1456 ngày 01-7-2015 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định: Số đất vượt hạn mức phải nộp tiền sử dụng đất mới được hợp pháp hoá. Xét thấy, Bản án sơ thẩm xác định là di sản thừa kế và đem chia như vậy đã công nhận diện tích đất dôi dư này là hợp pháp và người thụ hưởng không phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định mà vẫn được công nhận. Điều đó, làm thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T đối với Bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Xuân T, huỷ bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Xuân T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Án phí phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đan Thị T, bà Nguyễn Thị L đều có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm; ông Ngô Văn N đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên toà nhưng họ không có kháng cáo nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Công H, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276; Điều 279; Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Công H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Xuân S và cụ Phạm Thị C chết để

lại diện tích đất 500m² tại thửa số 4, tờ bản đồ số 13 ở xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đan Thị T khởi kiện “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5,7 Điều 166; điểm d khoản 1 Điều 169 Luật đất đai năm 2013 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân T.

[5] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Công H thấy rằng: Trong đơn kháng cáo ông H không nhất trí trả số tiền cho bà T là 49.475.000đ khi ông H được nhận 23m² đất của bà T được chia. Tuy nhiên, trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm ông H đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo nhất trí với Quyết định của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút kháng cáo của ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cấp phúc thẩm sẽ không xem xét, giải quyết nội dung kháng cáo của ông H nữa sẽ quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H.

[6] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T cho rằng Toà án nhân dân huyện Xuân T đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đánh giá sai người đồng quản lý di sản, chưa đủ căn cứ xác định tổng di sản của hai cụ để lại là 855m² đất dẫn đến việc xét xử và tuyên án là chưa đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Xuân T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm thấy rằng: Trong vụ án này bà Đan Thị T chỉ có yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế, không có yêu cầu khởi kiện huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cần phải đưa UBND huyện Xuân T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T cho rằng Ủy ban nhân dân xã Xuân T khẳng định (thửa 1) thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3 diện tích tăng thêm 140m² so với diện tích hai cụ Song nhận chuyển nhượng của hợp tác xã vào năm 1987 là do sai số đo đạc và đất ở (áp dụng theo hạn mức 300m², chứ không theo bản đồ nào) là không đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử xét thấy Ủy ban nhân dân xã Xuân T là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, khi có yêu cầu của Toà án về cung cấp thông tin về thửa đất đang có tranh chấp thì UBND xã Xuân T đã làm đúng vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của mình là cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho Toà án phục vụ cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác nên Toà án nhân dân huyện Xuân T không cần thiết phải đưa UBND huyện Xuân T vào tham gia tố tụng để giải thích khẳng định đối với diện tích đất tăng thêm và mục đích sử dụng đất. Việc giải thích khẳng định đối với diện tích đất tăng thêm và mục đích sử dụng đất là thuộc về thẩm quyền và trách nhiệm của UBND xã Xuân T. Toà án nhân dân huyện Xuân T nhận định di sản

thừa kế của cụ Song để lại đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế, chỉ chia di sản của cụ C bằng $\frac{1}{2}$ tổng diện tích đất hai cụ để lại và khẳng định chỉ có ông H là người duy nhất quản lý trông coi di sản của cụ Song là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này cụ Song chết năm 1987, đến ngày 01-3-2023 Toà án mới thụ lý vụ án. Theo điều 623 BLDS năm 2015 thì cụ Song đã chết trên 30 năm nên đã hết thời hiệu khởi kiện, bà T, ông H và các đương sự trong vụ án đều có yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu. Vì vậy, Toà án nhân dân huyện Xuân T đã áp dụng hết thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ Song đang do ông H quản lý, sử dụng nên được tiếp tục sử dụng, chỉ chia phần di sản của cụ C cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp.

[7] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T cho rằng: Tại thửa đất số 7 (04), tờ bản đồ số 1 (13) năm 1987, hai cụ Song, Chắt nhận chuyển nhượng của UBND xã diện tích 360m^2 , đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 diện tích 500m^2 hiện nay thửa đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vậy, diện tích đất thừa 140m^2 này thuộc quyền quản lý của Nhà nước hay của hai cụ Song, đất ở là bao nhiêu m^2 cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền khẳng định. Nếu diện tích đất 140m^2 thuộc quyền quản lý của Nhà nước thì di sản của hai cụ Song để lại chỉ là $855\text{m}^2 - 140\text{m}^2 = 715\text{m}^2$ thấy rằng. Căn cứ vào bản đồ địa chính lập năm 1987 thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01 diện tích đất là 372m^2 , trong đó thổ cư 360m^2 mang tên Song, đất Hợp tác xã 12m^2 (cùng thửa đất). Bản đồ địa chính lập năm 2002, thửa đất số 04, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 500m^2 , trong đó đất ở 90m^2 , đất vườn 410m^2 mang tên Hữu. Kết quả đo đạc thực tế ngày 31-3-2023 thể hiện tích đất là 500m^2 ; trong đó đã trừ ra 12m^2 đất hàng lang. Sổ mục kê lập năm 1986 thể hiện Nguyễn Song và HTX trong đó Song là 360m^2 đất ở, Hợp tác xã 12m^2 thổ canh. Sổ mục kê đất lập năm 2002 thể hiện Nguyễn Văn Hữu diện tích đất 500m^2 , trong đó đất ở 90m^2 , đất vườn 410m^2 . Bản đồ lập năm 1987 trong đó thể hiện đất thổ cư 360m^2 , thổ canh 12m^2 , còn bản đồ lập năm 2002 thì diện tích là 500m^2 trong đó có 90m^2 đất ở, 410m^2 đất vườn. So sánh bản đồ lập năm 1987 với bản đồ lập năm 2002 thì diện tích ở bản đồ năm 2002 tăng lên 152m^2 . Như vậy trừ 12m^2 là đất của Hợp tác xã ra thì diện tích còn lại tăng 140m^2 lý do tăng do quá trình lập bản đồ cũng như sai số khi đo đạc. Lý do diện tích đất 140m^2 tăng thêm trong thửa đất này đã được thể hiện rõ trên bản đồ địa chính năm 2002 và sổ mục kê năm 2002 cũng phù hợp với lời khai của bà Vũ Thị H – Cán bộ địa chính xã Xuân T trình bày tại phiên tòa. Thửa đất này hiện nay đã được xây dựng tường bao xung quanh và không có tranh chấp ranh giới với các hộ xung quanh, chính quyền địa phương xã Xuân T đã cung cấp rõ thông tin biến động của thửa đất này là do quá trình lập bản đồ cũng như sai số khi đo đạc nên Toà án cấp sơ thẩm đã phân chia cả diện tích tăng thêm 140m^2 là có cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho các bên đương sự, mặc dù thửa đất này đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T về các nội dung nêu trên là không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng

nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[8] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Nguyễn Công H đã rút đơn kháng cáo, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 148; Điều 156; Điều 165; Điều 184; Điều 185; khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276; Điều 279; Điều 280; Điều 289; Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5,7 Điều 166; điểm d khoản 1 Điều 169 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Công H về việc ông H không nhất trí trả số tiền cho bà T là 49.475.000đ khi ông H được nhận 23m² đất của bà T được chia.

2. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công H không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Hương

Nguyễn Tiến Dũng

Lại Văn Tùng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân T;
- TAND huyện Xuân T;
- Chi cục THADS huyện Xuân T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

